

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC THEO CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN 1982

Đặng Thương Hoài Linh

Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - ĐHTT Nguyễn

TÓM TẮT

Những năm gần đây, tranh chấp trên biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn, những cuộc thương lượng, đàm phán đã không còn hiệu quả, với thực tiễn đó, bài viết hướng tới việc tìm kiếm một cơ chế có tính chất bắt buộc để giải quyết tranh chấp trên biển Đông, đó là tòa trọng tài theo phụ lục VII của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển. Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc được phân tích dựa trên các điều khoản của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, đồng thời qua tổng hợp, đánh giá thực tiễn cũng như pháp luật quốc tế để đưa ra các luận điểm, giải pháp. Từ kết quả đánh giá thực tiễn tranh chấp cũng như phân tích cơ chế giải quyết tranh chấp theo phụ lục VII Công ước, bài viết sẽ đề xuất một vài tình huống để Việt Nam có thể khởi kiện Trung Quốc. Việc nghiên cứu sẽ giúp Việt Nam có thêm cơ sở, lập luận để giải quyết các tranh chấp trên biển Đông với Trung Quốc đang ngày một căng thẳng hơn.

Từ khóa: *Tranh chấp biển Đông; giải quyết tranh chấp; tòa trọng tài theo phụ lục VII; Công ước của Liên hợp quốc về luật biển 1982; UNCLOS 1982.*

Ngày nhận bài: 15/5/2020; **Ngày hoàn thiện:** 17/6/2020; **Ngày đăng:** 23/6/2020

SETTLEMENT OF EAST SEA DISPUTES BETWEEN VIETNAM AND CHINA UNDER THE UNITED NATIONS CONVENTION ON SEA LAW 1982

Dang Thuong Hoai Linh

TNU - University of Information and Communication Technology

ABSTRACT

In recent years, the disputes in the East Sea between Vietnam and China have become more and more serious, the negotiations and negotiations have no longer been effective, with that practice, the article aims to find a compulsory mechanism for resolving disputes in the South China Sea, which is the arbitral tribunal under Annex VII of the UN Convention on the Law of the Sea. The dispute settlement mechanism between Vietnam and China is analyzed based on the provisions of the United Nations Convention on the Law of the Sea, and at the same time, summarizes practical reviews as well as international law to make the thesis, solutions. From the results of the practical assessment of the dispute as well as the analysis of the dispute settlement mechanism in accordance with Annex VII of the Convention, the article will propose a few situations for Vietnam to sue China. The research will help Vietnam have more bases and arguments to resolve disputes in the East Sea with China, which is increasingly tense.

Keywords: *Dispute in the East Sea; dispute resolution; arbitration court in Annex VII; United Nations Convention on the Law of the Sea 1982; UNCLOS 1982.*

Received: 15/5/2020; **Revised:** 17/6/2020; **Published:** 23/6/2020

Email: dthlinh@ictu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Do vị trí chiến lược quan trọng và nguồn tài nguyên tiềm tàng biển Đông đã trở thành nơi tranh chấp của các quốc gia xung quanh với 3 loại tranh chấp chủ yếu: (1) Tranh chấp về chủ quyền đối với các đảo và quần đảo; (2) Tranh chấp về phân định các vùng biển, đặc biệt là vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; (3) Tranh chấp về thực hiện quyền và nghĩa vụ của quốc gia trong vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển.

Trong bài báo này, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu phương thức giải quyết tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc bằng tòa trọng tài theo phụ lục VII Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS 1982).

2. Cơ chế giải quyết tranh chấp theo UNCLOS 1982

Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 được coi như là bộ luật của thế giới về việc khai thác và sử dụng biển. Công ước điều chỉnh tất cả các vấn đề quan trọng của luật biển quốc tế, có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ hòa bình, sự công bằng và tiến bộ cho thế giới. Theo Tổ chức Liên hợp quốc, tính đến năm 2020, đã có 168 quốc gia, trong đó có Việt Nam và Trung Quốc phê chuẩn và tham gia Công ước. Công ước bao gồm 17 phần, 9 phụ lục với 320 điều về các vấn đề như: Cách xác định các vùng biển và chế độ pháp lý của chúng; bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; việc nghiên cứu khoa học biển; phát triển và chuyển giao kỹ thuật biển, giải quyết các tranh chấp trong quá trình khai thác và sử dụng biển.

Theo Điều 33 Hiến chương Liên hợp quốc cũng như Điều 279, Điều 280 UNCLOS 1982, các quốc gia giải quyết mọi tranh chấp xảy ra bằng các phương pháp hòa bình vào bất kỳ thời điểm nào và bằng bất kỳ phương pháp hòa bình nào. Các biện pháp đó bao gồm: đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, sử dụng cơ chế khu vực hoặc các hiệp định vùng hoặc một biện pháp hòa bình khác.

Chủ trương của Việt Nam là giải quyết các tranh chấp ở biển Đông thông qua biện pháp

hòa bình trên tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tuân thủ luật pháp quốc tế nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Đối với các vấn đề liên quan đến hai nước Việt Nam - Trung Quốc thì giải quyết song phương, vấn đề nào liên quan đến các nước khác, liên quan đến tự do hàng hải thì cần có sự bàn bạc của các bên liên quan. Nếu các bên không giải quyết được bằng cơ chế đàm phán thì cần phải giải quyết bằng các phương thức nhau như trung gian hòa giải hoặc bằng các cơ chế tài phán quốc tế như Tòa án Công lý Quốc tế, Tòa án Quốc tế về Luật Biển và các tòa trọng tài.

Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trước hết là quan hệ láng giềng gần gũi, nhiều tương đồng về lịch sử, văn hóa. Tuy nhiên, cũng phải sau 10 vòng đàm phán cấp Chính phủ, 18 cuộc hội đàm của Nhóm làm việc chung hai nước mới ký được Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ. Hay các thỏa thuận như Tuyên bố ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) năm 2002, Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2013...

Việt Nam và Trung Quốc đã có những cuộc đàm phán về vấn đề biển Đông kéo dài trong nhiều năm, và mới gần đây cuộc thảo luận về các vấn đề quan hệ song phương, trong đó có biển Đông tại Bắc Kinh từ ngày 26-28/11/2019. Đồng thời tháng 4/2020, Đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam đã giao thiệp với đại diện Đại sứ quán Trung Quốc và trao công hàm phản đối, yêu cầu phía Trung Quốc điều tra làm rõ, xử lý nghiêm đối với nhân viên công vụ và tàu Hải cảnh Trung Quốc nêu trên, không để tái diễn những hành động tương tự, đồng thời bồi thường thỏa đáng các thiệt hại cho ngư dân Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy cả hai quốc gia đã cố gắng giải quyết tranh chấp bằng đàm phán song phương. Hai bên đã đạt được thỏa thuận nhưng còn nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến chủ quyền trên các quần đảo, vấn đề khai thác tài nguyên sinh vật biển chưa đạt được sự

thống nhất. Theo quy định tại Phần XV, Mục I UNCLOS 1982 về giải quyết các tranh chấp bằng các thủ tục bắt buộc dẫn đến các quyết định bắt buộc, thủ tục trọng tài sẽ được sử dụng nếu các bên tranh chấp đã tìm kiếm giải pháp giải quyết tranh chấp và đã tiến hành trao đổi quan điểm, thương lượng hay bằng các biện pháp hòa bình khác nhưng tranh chấp vẫn không được giải quyết. Điều 287 UNCLOS 1982 cũng đã đưa ra các trường hợp sử dụng tòa trọng tài, cụ thể, khoản 1 đã đưa ra trường hợp các bên tuyên bố bằng văn bản chọn tòa trọng tài để giải quyết tranh chấp hay các trường hợp các bên được xem là chấp nhận thủ tục trọng tài đã trù định ở Phụ lục VII khi các bên không có tuyên bố còn hiệu lực bảo vệ theo khoản 3 [1]:

- Không bên nào có tuyên bố chọn tòa trọng tài theo phụ lục VII;
- Chỉ có một trong các bên có tuyên bố chọn tòa trọng tài;
- Một trong các bên đã hủy bỏ tuyên bố chọn tòa trọng tài;
- Các bên đã hủy bỏ tuyên bố chọn tòa trọng tài.

Thực tiễn xét xử của tòa trọng tài theo phụ lục VII cho thấy, khi các quốc gia không có tuyên bố nào bằng văn bản theo điều 287(1) thì khoản 3 của điều này sẽ được áp dụng là căn cứ để tòa xem xét vụ việc. Trong vụ việc giữa Barbados với nước cộng hòa Trinidad và Tobago, tòa trọng tài cũng nhắc lại cả Malaysia và Singapore đều không có tuyên bố bằng văn bản theo điều 287(1) của Công ước nên theo điều 287(3), các bên buộc phải chấp nhận trọng tài theo phụ lục VII để giải quyết tranh chấp giữa họ. Điều này cũng được Philippines viện dẫn trong bản tuyên bố khởi kiện với Trung Quốc.

Và theo Điều 287(5) UNCLOS 1982, tòa trọng tài theo phụ lục VII của Công ước được sử dụng trong trường hợp các bên có tuyên bố lựa chọn biện pháp này. Tuy nhiên, khi các bên không thống nhất được biện pháp áp dụng cũng như không thông báo lựa chọn hình thức nào để giải quyết tranh chấp thì tòa trọng tài sẽ được sử dụng.

Cho đến nay, chưa có bất kì tranh chấp nào giữa Việt Nam và Trung Quốc trên biển Đông được đưa ra giải quyết theo thủ tục bắt buộc tại phần XV. Trung Quốc luôn giữ quan điểm giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình mà trong đó đối thoại song phương là chủ yếu. Có thể nhận thấy Trung Quốc liên tục gia tăng những hành động làm phức tạp tình hình tại biển Đông, đi ngược lại với những thỏa thuận và cam kết của hai bên. Chính vì thế, phải chăng Việt Nam nên đưa vụ việc tranh chấp trên biển Đông với Trung Quốc ra giải quyết bằng biện pháp trọng tài theo phụ lục VII UNCLOS 1982.

3. Tòa trọng tài theo phụ lục VII UNCLOS 1982

3.1. Quá trình giải quyết tranh chấp bằng tòa trọng tài theo phụ lục VII

Về giai đoạn tiền khởi tố, Theo Điều 286 UNCLOS 1982, trước khi áp dụng thủ tục bắt buộc bao gồm: tòa án trọng tài theo phụ lục VII, tòa án công lý quốc tế, tòa án quốc tế về luật biển, tòa trọng tài đặc biệt theo phụ lục VIII, các quốc gia phải tiến hành các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp. Trong vụ việc thực tế, các quốc gia tranh chấp đều tiến hành thương lượng, đàm phán để giải quyết tranh chấp. Ví dụ, vụ việc giữa Barbados với Trinidad và Tobago, trước khi vụ việc được đưa ra giải quyết bằng trọng tài theo phụ lục VII, các bên đã có 30 năm tiến hành ngoại giao cấp cao cũng như thương lượng đàm phán về vấn đề sử dụng tài nguyên biển và biên giới trên biển. Hay trong vụ việc giữa Guyana và Suriname, từ năm 1966, khi hai quốc gia này độc lập, họ đã đối thoại trực tiếp với nhau về vấn đề đường biên giới trên biển nhưng cuộc đàm phán đã không thành công vì các bên không tìm được sự nhất trí trong cách xác định đường biên giới. Do vậy, các quốc gia đương sự cần tiến hành giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trước khi đưa vụ việc ra giải quyết bằng tòa án trọng tài theo phụ lục VII UNCLOS 1982.

Về giai đoạn khởi tố, theo Điều 1 Phụ lục VII UNCLOS 1982, để tiến hành khởi tố vụ việc, quốc gia tranh chấp cần đáp ứng 2 điều kiện:

- Các quốc gia phải tuân thủ phần XV

- Quốc gia nguyên đơn cần gửi tới bên kia trong vụ tranh chấp một thông báo khởi kiện kèm bản trình bày yêu sách.

Về việc tuân thủ phần XV Công ước được hiểu là các quốc gia chấp nhận sự ràng buộc của phần XV UNCLOS 1982 trong việc giải quyết tranh chấp. Trong các vụ việc được giải quyết bằng tòa án trọng tài theo phụ lục VII, căn cứ để các bên khởi tố vụ việc đều bắt đầu với lập luận các quốc gia đều là thành viên UNCLOS 1982, phần XV về giải quyết tranh chấp giữa họ bằng biện pháp hòa bình và các biện pháp khác.

Về điều kiện thứ hai, bất kì bên nào cũng có thể khởi tố vụ việc lên tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII bằng một thông báo gửi tới bên kia kèm bản trình bày các yêu sách và lý do làm căn cứ cho những yêu sách đó. Thông báo đó thường là công hàm của bộ ngoại giao một nước gửi tới quốc gia hay các quốc gia trong tranh chấp. Bản trình bày các yêu sách và lý do làm căn cứ cho các yêu sách đó, gọi là đơn khởi kiện. Nội dung đơn khởi kiện đã được quy định cụ thể tại Điều 3 Quy tắc tố tụng của tòa trọng tài thường trực năm 2012.

Vận dụng các quy định này, ngày 22/01/2013, Philippines đã gửi Thông báo và tuyên bố khởi kiện Trung Quốc ra trọng tài để giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS. Trong văn bản này, Philippines đã nêu rõ rằng, Philippines đã tiến hành trao đổi quan điểm, đàm phán với Trung Quốc nhưng tranh chấp không thể giải quyết được. Do vậy, Philippines quyết định khởi kiện Trung Quốc theo thủ tục trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII của UNCLOS.

Về thành lập tòa trọng tài, Tòa trọng tài được thành lập dựa trên đơn khởi kiện của một bên, ghi rõ bên khởi kiện và bên bị kiện cũng như nội dung tranh chấp. Về thẩm quyền, thẩm quyền của tòa trọng tài được thiết lập trên cơ sở điều khoản trọng tài trong công ước hay hiệp định. Việc loại bỏ thẩm quyền của tòa được các bên thể hiện trong bản phản biện. Khi có yêu cầu xem xét lại thẩm quyền từ

phía bị đơn, tòa phải tiến hành giải thích các văn bản pháp lý ràng buộc quốc gia đó với tòa để xem trong trường hợp cụ thể này tòa có thẩm quyền hay không;

- Hoặc tòa không có thẩm quyền đối với vụ việc được nêu. Bên bị đơn có thể nêu các lý do là hiệp ước hoặc tuyên bố đơn phương chấp nhận trước thẩm quyền của tòa đã vô hiệu tương đối hoặc không còn hiệu lực; hoặc tranh chấp xảy ra trước ngày ấn định thẩm quyền trong hiệp ước hay trong tuyên bố đơn phương; hoặc tranh chấp bị loại bỏ do tác động của các bảo lưu mà quốc gia nêu kèm với tuyên bố đơn phương.

- Hoặc đơn khởi kiện không thể được chấp nhận. Đơn khởi kiện không thể được chấp nhận khi nó không tuân thủ đúng quy chế của tòa, khi tranh chấp không tồn tại hoặc không còn đối tượng tranh chấp, khi các bên chưa tiến hành đàm phán hay chưa sử dụng hết các thủ tục có thể khác.

Tuy nhiên chỉ có tòa mới có quyền quyết định thẩm quyền của mình. Trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền xét xử của tòa, tòa sẽ là người quyết định. Theo quy định của điều 288 UNCLOS 1982, tòa án trọng tài theo phụ lục VII có thẩm quyền xét xử mọi tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng công ước theo phần XV UNCLOS 1982.

Về quyết định của Tòa trọng tài, theo Quy tắc tố tụng của Tòa trọng tài thường trực, quyết định được thông qua theo đa số các thành viên của Tòa. Tòa có thể ra một hoặc nhiều bản án. Bản án của Tòa trọng tài được giới hạn ở nội dung của vụ tranh chấp và phải nêu căn cứ. Bản án có tính chất tối hậu và các bên không được kháng cáo. Nếu có bất kì tranh cãi nào liên quan đến việc thi hành bản án, một trong các bên có thể đưa ra tòa trọng tài để tòa tuyên án quyết định.

3.2. Cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn tòa án trọng tài theo phụ lục VII UNCLOS 1982

Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển

1982, đã phê chuẩn lần lượt vào ngày 27/7/1994 và 07/6/1996, cả hai bên đã chấp nhận cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích và áp dụng phần XV Công ước.

Điều 279 Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải tìm kiếm giải pháp thông qua các biện pháp hòa bình theo hiến chương Liên hợp quốc. Điều 283(1) yêu cầu thêm rằng khi một tranh chấp phát sinh, các bên nên tiến hành nhanh chóng việc trao đổi quan điểm liên quan đến giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và các biện pháp hòa bình khác. Việt Nam đã tuân thủ một cách đầy đủ và thiện chí với các điều kiện theo điều 279 và điều 283(1) và đã tận dụng tất cả các khả năng về việc giải quyết thông qua thương lượng. Vì Việt Nam và Trung Quốc không thể giải quyết tranh chấp thông qua các biện pháp hòa bình, điều 281(1) cho phép việc sử dụng thủ tục theo phần XV, bao gồm thủ tục bắt buộc dẫn đến quyết định ràng buộc theo mục 2 phần XV. Điều 286 cho phép việc bất kì quốc gia thành viên nào cũng được sử dụng các thủ tục bắt buộc này trước bất kì tòa nào có thẩm quyền theo mục 2.

Mục 2 phần XV UNCLOS 1982 cho phép quốc gia được lựa chọn một trong bốn tòa để giải quyết tranh chấp. Đối với tòa án quốc tế về luật biển, theo điều 21 Phụ lục VII UNCLOS 1982, yêu cầu được đưa ra tòa theo đúng Công ước được hiểu là việc các bên tranh chấp đưa ra tuyên bố bằng văn bản chấp nhận thẩm quyền của tòa theo quy định của điều 287(1). Trong trường hợp tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc, cả hai bên không có bất kì một tuyên bố cũng như thỏa thuận nào về việc chọn tòa án quốc tế về luật biển làm cơ quan giải quyết tranh chấp giữa hai nước. Theo điều 36 Quy chế tòa án công lý quốc tế, Tòa chỉ có thể nhận giải quyết các tranh chấp quốc tế khi các bên tranh chấp tự nguyện đồng ý nhờ Tòa giúp đỡ. Thẩm quyền xét xử của Tòa được các quốc gia liên quan chấp nhận và thiết lập bằng thỏa thuận thành

cầu hay bằng tuyên bố chấp nhận trước thẩm quyền bắt buộc của Tòa. Với phương án thứ nhất, cả hai quốc gia đồng ý có thể thấy tính khả thi không cao bởi lập trường của Trung Quốc là giải quyết tranh chấp trên biển Đông bằng các biện pháp hòa bình. Chính vì thế quốc gia này không bao giờ đồng ý nhờ tòa án công lý quốc tế giải quyết tranh chấp trên biển Đông. Với phương án thứ hai, tuyên bố chấp nhận trước thẩm quyền bắt buộc của tòa được đưa ra bằng văn bản, cả Trung Quốc và Việt Nam đều không đưa ra tuyên bố nào về việc chấp nhận thẩm quyền của Tòa án công lý quốc tế trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến giải thích và áp dụng Công ước Luật Biển 1982 [2]. Về tòa trọng tài đặc biệt thành lập theo phụ lục VIII, cả Trung Quốc và Việt Nam đều không đưa ra tuyên bố lựa chọn tòa trọng tài đặc biệt theo phụ lục VIII theo điều 287(1) để giải quyết tranh chấp giữa liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công ước Luật Biển 1982.

Có thể theo điều 287(1), tòa án quốc tế về luật biển, tòa án công lý quốc tế và tòa trọng tài theo phụ lục VIII đều không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công ước của Liên hợp quốc về luật biển 1982. Nếu hai bên tranh chấp chưa đưa ra tuyên bố lựa chọn một trong bốn tòa theo điều 287(1) được xem là đã chấp nhận thủ tục trọng tài theo phụ lục VII theo quy định của điều 287(3) và hiện hai bên cũng không có thỏa thuận nào khác nên theo điều 287(5) tranh chấp này có thể được đệ trình lên tòa trọng tài theo phụ lục VII của công ước.

Như vậy Việt Nam hoàn toàn có cơ sở pháp lý để đơn phương khởi kiện Trung Quốc ra tòa án trọng tài thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982 và việc Trung Quốc có tham gia vào quá trình tố tụng hay không không ảnh hưởng đến quá trình thành lập tòa trọng tài cũng như thẩm quyền xét xử của tòa nếu tòa nhận thấy mình có đủ thẩm quyền với tranh chấp này.

4. Một số tình huống Việt Nam có thể khởi kiện lên tòa trọng tài theo phụ lục VII UNCLOS 1982

4.1. Đường chữ U của Trung Quốc không có cơ sở pháp lý theo UNCLOS 1982

- Đường chữ U không phải là đường cơ sở thông thường của Trung Quốc.

Theo Điều 5 UNCLOS, đường chữ U phải là một đường xác định bởi ngấn nước thủy triều thấp nhất chạy dọc bờ biển của quốc gia ven biển [3]. Để thỏa mãn điều 5 Công ước, đường chữ U phải thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Trên thực tế, đường chữ U là đường đứt khúc được xác định một cách tùy tiện không dựa vào một nguyên tắc cụ thể nào. Nó chạy dọc và uốn lượn theo đường bờ biển của các quốc gia khác trong khu vực là Việt Nam, Malaysia và Philippines. Xét theo các tiêu chí của công ước thì đường chữ U không phải là đường cơ sở thông thường của Trung Quốc vì nó tách rời hoàn toàn với bờ biển của Trung Quốc.

- Đường chữ U không phải là đường cơ sở thẳng của Trung Quốc.

Đường cơ sở thẳng là đường nối liền các điểm thích hợp được lựa chọn tại những điểm ngoài cùng nhô ra tại mức nước thủy triều thấp nhất. Điều kiện để một quốc gia vẽ đường cơ sở thẳng theo Điều 7 UNCLOS 1982 bao gồm:

- + Quốc gia đó phải có bờ biển khoét sâu và lõm hoặc có một chuỗi đảo chạy dọc bờ biển;
- + Tuyến đường cơ sở thẳng không được chệch quá xa với xu hướng chung của bờ biển
- + Các vùng biển ở bên trong các đường cơ sở này phải gần với đất liền đủ đến mức đạt được chế độ nội thủy.

Với điều kiện thứ nhất, đường cơ sở của Trung Quốc không chạy dọc theo bờ biển của Trung Quốc mà lại chạy song song với bờ biển của quốc gia khác trong khu vực và các quần đảo và bãi ngầm nó bao quanh không phải là một chuỗi đảo song song với bờ biển của Trung Quốc. Với điều kiện thứ hai, đó là một đường gồm 9 đoạn tạo thành hình chữ U, không theo xu hướng chung của bờ biển của

Trung Quốc. Vì hai điều kiện trên không được thỏa mãn nên không cần xét đến điều kiện cuối cùng.

- Đường chữ U không phải là đường cơ sở quần đảo của Trung Quốc.

Theo điều 47 UNCLOS 1982, đường cơ sở quần đảo là đường bao gồm các đoạn thẳng nối liền các điểm ngoài cùng của các đảo xa nhất và các bãi đá lúc nổi lúc chìm của quần đảo. Dựa vào quy định trên thì đường chữ U không thỏa mãn vì đó là đường đứt khúc 9 đoạn, không nối liền với nhau.

Công ước quy định tuyến các đường cơ sở này bao lấy các đảo chủ yếu và xác lập một khu vực mà tỉ lệ diện tích nước đó với đất, kể cả vành đai san hô, phải ở giữa tỉ lệ số 1/1 và 9/1. Trên thực tế tỉ lệ này của khu vực đường chữ U là lớn hơn rất nhiều. Tháng 5/1996, Trung Quốc đệ trình lên Ủy ban về giới hạn thềm lục địa của Liên Hợp Quốc hệ thống đường cơ sở thẳng chạy dọc bờ biển đất liền Trung Quốc và bao quanh quần đảo Hoàng Sa. Theo đó Trung Quốc vạch ra đường cơ sở thẳng của quần đảo Hoàng Sa nối 28 điểm cơ sở bao quanh quần đảo Hoàng Sa và các vùng nước liên quan. Diện tích mà hệ thống đường cơ sở thẳng của Trung Quốc bao quanh rộng tới 17.000 km² trong khi tổng diện tích của tất cả các đảo nổi của quần đảo Hoàng Sa chỉ là 10 km². Có thể thấy tỉ lệ giữa vùng nước và tổng diện tích đất vượt xa so với tỷ lệ cho phép. Do vậy, đường cơ sở quần đảo Hoàng Sa này là không có giá trị pháp lý theo Công ước. Từ việc Trung Quốc vạch ra đường cơ sở thẳng cho quần đảo Hoàng Sa bên trong đường chữ U đã chứng tỏ rằng Trung Quốc đã tự làm tăng thêm sự không chắc chắn đối với giải thích về trình trạng pháp lý của đường chữ U.

Trên thực tế lịch sử thực thi quyền chủ quyền của Trung Quốc đã tự mình chứng minh yêu sách của Trung Quốc là vô lý và không có cơ sở [4]. Từ khi tuyên bố đường chữ U đến nay, Trung Quốc không hề ngăn cản việc các quốc gia trong khu vực tiến hành các hoạt động sử dụng biển trên biển Đông và quyền qua lại vô

hại hay quyền tự do hàng hải của tàu thuyền quốc tế cũng không hề bị Trung Quốc gây cản trở. Điều này là vô lý nếu như vùng nước bao quanh đường chữ U của Trung Quốc thực sự là nội thủy của quốc gia này.

Với những phân tích ở trên, có thể khẳng định đường chữ U mà Trung Quốc vạch ra tại biển Đông là hoàn toàn không có giá trị pháp lý với tư cách là đường cơ sở của Trung Quốc theo UNCLOS 1982. Tất cả những yêu sách của Trung Quốc về ranh giới các vùng biển tính từ đường cơ sở (đường chữ U) như vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa cũng cần phải được xem xét lại khi đường chữ U không có giá trị pháp lý.

4.2. *Xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam*

Trung Quốc chỉ có quyền chủ quyền tại vùng EEZ của mình chứ không có quyền chủ quyền tại vùng EEZ của Việt Nam và vùng biển đang tranh chấp. Do đó, việc Trung Quốc cắt cáp tàu Bình Minh hay đặt giàn khoan Hải Dương 981 cùng với các hành động đưa tàu Hải Dương Địa chất 8 tới phía đông bắc bãi Tư Chính, làm khảo sát đáy biển khu vực này hay gần đây là đâm chìm tàu cá QNg 90617 TS là đi ngược lại với các quy định của pháp luật quốc tế.

- Trung Quốc chỉ có quyền chủ quyền trong vùng EEZ của mình.

Trung Quốc chỉ có quyền chủ quyền trong vùng EEZ của mình. Quyền chủ quyền này không kéo dài tới vùng nước quanh Hoàng Sa. Trung Quốc chỉ có thể thiết lập một khu vực quyền chủ quyền xung quanh đảo Hoàng Sa khi (1) đảo Hoàng Sa nằm dưới quyền kiểm soát của Trung Quốc (2) đảo Hoàng Sa nằm dưới quy chế đảo theo điều 121 UNCLOS 1982 để được hưởng vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý.

Theo yêu cầu thứ nhất, Hoàng Sa vẫn còn đang là vùng đảo đang tranh chấp. Thực tế, Việt Nam và Trung Quốc luôn khẳng định chủ quyền của mình lên quần đảo Hoàng Sa. Do

vậy, Trung Quốc chưa thể xác định quyền chủ quyền lên vùng nước xung quanh Hoàng Sa.

Theo yêu cầu thứ hai, cần đối chiếu các đặc điểm của quần đảo Hoàng Sa với quy định tại điều 121 UNCLOS 1982 để xác định địa vị pháp lý của Hoàng Sa. Nếu Hoàng Sa mang quy chế của đảo theo điều 121(1), Hoàng Sa có thể được hưởng các vùng lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa theo quy định tại điều 121(2) hoặc không được hưởng các vùng biển này theo quy định về đảo đá tại điều 121(3). Trong trường hợp này, đảo Hoàng Sa là đảo đá theo điều 121(3) nên không được hưởng vùng đặc quyền kinh tế. Điều 121(1) đưa ra định nghĩa về đảo: “Đảo là vùng đất hình thành tự nhiên, bao bọc bởi nước và nằm cao hơn nước khi thủy triều lên”.

Để được coi là một đảo theo điều 121(1), Hoàng Sa cần phải đạt đủ 4 điều kiện: (1) là một vùng đất; (2) được hình thành tự nhiên; (3) bao bọc bởi nước và (4) nổi trên mặt nước khi thủy triều lên [5].

Trong trường hợp này, Hoàng Sa đã không đáp ứng được điều kiện thứ 4 để có thể trở thành đảo theo quy chế tại điều 121(1) vì chỉ có khoảng 8 đảo trong quần đảo Hoàng Sa nằm trên mặt nước khi thủy triều lên, phần lớn các đảo của Hoàng Sa chìm khi thủy triều lên cao [6]. Vì vậy, Hoàng Sa không thể được coi là đảo theo quy định tại điều 121(1) UNCLOS 1982.

Trong trường hợp Hoàng Sa đạt quy chế của đảo theo điều 121(1) thì cũng cần xem xét điều 121 khoản 2 và khoản 3. Dù UNCLOS 1982 không định nghĩa về đảo đá nhưng thông qua cách viết của điều 121, đảo đá được hiểu là trường hợp ngoại lệ của điều 121(1) và không áp dụng quy chế ở điều 121(2). Để một đảo đạt quy chế của đảo đá, đảo cần thỏa mãn thì thỏa mãn 5 điều kiện (1) là đảo đá; (2) không thể duy trì; (3) sự sống của con người; (4) đời sống kinh tế và (5) của chính nó.

Quần đảo Hoàng Sa được cấu tạo từ hàng trăm đảo lớn nhỏ, chủ yếu bao gồm các đảo san hô,

đảo đá với diện tích nhỏ, phần lớn các đảo này không thể trồng trọt và chỉ có 8 đảo là luôn nổi trên mặt nước lúc thủy triều lên. Hoàng Sa nằm trong vùng có khí hậu khắc nghiệt, lượng mưa lớn và thường xuyên xảy ra bão, do đó tại các đảo này hầu như chỉ có lực lượng quân đội của các quốc gia chiếm đóng và các chuyên gia kỹ thuật nghiên cứu. Hơn nữa, do Trung Quốc đã từng chiếm đóng quân sự trên quần đảo Hoàng Sa và tiến hành một số chương trình phát triển cụ thể nên ở nhiều nơi, sau Chiến tranh Thế giới thứ II, các nhà hàng hải và ngư dân đã miêu tả lại các vùng đất tại Hoàng Sa chỉ có thể sống tạm thời theo mùa, những nơi này bị bão quét và cũng chỉ còn lại vài dấu ấn của sự chiếm đóng quân sự và theo Việt Nam điều này đã phần nào làm mất đi ý nghĩa ban đầu của cụm từ “duy trì sự sống của con người”. Ngoài ra, quần đảo Hoàng Sa ngày nay còn được biết đến với tiềm năng về than lạnh - một nguồn năng lượng mới nhưng nguồn năng lượng này chưa từng được khảo sát và khai thác còn trữ lượng phốt phát còn lại cũng không đáng kể và việc khai thác này cũng chỉ diễn ra trong quá khứ.

Từ những lập luận Hoàng Sa không thích hợp cho việc sinh sống của con người và không có đời sống kinh tế riêng của chính nó [7]. Hoàng Sa là đảo đá theo quy định tại điều 121(3) UNCLOS 1982 và cho rằng việc xác định được các vùng biển theo điều 121(2) UNCLOS 1982 của Trung Quốc là vô căn cứ.

- Trung Quốc không có quyền chủ quyền trong vùng EEZ của Việt Nam.

Theo Điều 55 và Điều 57, Tuyên bố của Chính phủ Việt Nam ngày 12/05/1977, Việt Nam đã xác định vùng đặc quyền kinh tế là vùng “tiếp liền lãnh hải Việt Nam và hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam”. Đường cơ sở

cũng đã được Việt Nam xác định theo đúng quy định của UNCLOS 1982 để tính chiều rộng lãnh hải. Như vậy, tuyên bố của Việt Nam về vùng đặc quyền kinh tế hoàn toàn phù hợp với Điều 57 của UNCLOS 1982. Việc Trung Quốc tiến hành một loạt các hành động trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam là trái với pháp luật quốc tế.

5. Kết luận

Với những hành vi vi phạm nghiêm trọng luật quốc tế, luật biển quốc tế và trực tiếp thách thức quyền chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông trong những năm gần đây, tranh chấp trên biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc nên được giải quyết dựa trên cơ sở của Công ước của Liên hợp quốc về luật biển 1982. Với những quy định về phần XV về giải quyết tranh chấp, qua nghiên cứu và phân tích, việc lựa chọn tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII là cơ chế thích hợp nhất để Việt Nam đệ trình vụ việc tranh chấp với Trung Quốc ra giải quyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. M. H. Nordquist, S. Rosenne, and L. B. Sohn, *United Nations Convention on the Law of the Sea 1982: A Commentary volume V*, Martinus Nijhoff, 1989.
- [2]. H. T. Nguyen, *International Court of Justice*. National Political Publishing House, 2011.
- [3]. United Nations, *United Nations Convention on the Law of the Sea*, 1982.
- [4]. J. I. Charney, “Central East Asian Maritime Boundaries and the Law of the Sea,” *American Journal of International Law*, vol. 89, no. 4, pp. 724-749, 1995.
- [5]. Y. Tanaka, *The International law of the Sea*, Cambridge University Press, 2012.
- [6]. M. Chemillier - Gendreau, *Sovereignty over the Paracel and Spratly Islands*, Springer, 2000.
- [7]. B. D. Nguyen, “The international legally status of sea, island and the matters needed to be applicable to the Spratlys and Paracels,” *VNU - Journal of Science*, vol. 10, no. 1, pp. 145-162, 2009.